

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2622/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 24 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình
đê tả sông Dừa, xã Thiệu Toán, Thiệu Chính, Thiệu Hòa,
Thiệu Tâm và Thiệu Viên, huyện Thiệu Hóa

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3505/2016/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân công, phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 972/QĐ-UBND ngày 18/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình đê tả sông Dừa, xã Thiệu Toán, Thiệu Chính, Thiệu Hòa, Thiệu Tâm và Thiệu Viên, huyện Thiệu Hóa;

Theo nội dung Công văn số 3226/UBND-NN ngày 29/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh dự án đê tả sông Dừa, xã Thiệu Toán, Thiệu Chính, Thiệu Hòa, Thiệu Tâm và Thiệu Viên, huyện Thiệu Hóa;

Xét đề nghị của UBND huyện Thiệu Hóa tại các Tờ trình số 288/TTr-UBND ngày 20/6/2017, số 290/TTr-UBND ngày 23/6/2017 (kèm theo hồ sơ) và Công văn số 2096/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 20/7/2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng

công trình đề tả sông Dừa, xã Thiệu Toán, Thiệu Chính, Thiệu Hòa, Thiệu Tâm và Thiệu Viên, huyện Thiệu Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình đề tả sông Dừa, xã Thiệu Toán, Thiệu Chính, Thiệu Hòa, Thiệu Tâm và Thiệu Viên, huyện Thiệu Hóa, với những nội dung chính sau:

1. Khái quát về dự án:

Dự án đầu tư xây dựng công trình đề tả sông Dừa, xã Thiệu Toán, Thiệu Chính, Thiệu Hòa, Thiệu Tâm và Thiệu Viên, huyện Thiệu Hóa được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 972/QĐ-UBND ngày 18/3/2016 với tổng mức đầu tư 80.002 triệu đồng, nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương (Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư); kế hoạch vốn đã giao 21 tỷ đồng. Đến nay, chủ đầu tư đã triển khai thi công hoàn thành ước đạt khoảng 50% khối lượng.

2. Lý do điều chỉnh dự án:

Trong quá trình triển khai thực hiện, để giải quyết vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng bãi khai thác đất đắp, UBND tỉnh đã có chủ trương thay đổi vị trí bãi khai thác đất đắp công trình từ đồi Tân Phúc, xã Thọ Lâm về đồi Bạt, xã Thọ Lâm, huyện Thọ Xuân tại Công văn số 14059/UBND-NN ngày 06/12/2016; mặt khác, để phát huy hiệu quả đồng bộ của dự án, đảm bảo an toàn cho các hộ dân sống ở khu vực ngoại đề sông Dừa tại xã Thiệu Tâm và Thiệu Chính cần thiết bổ sung, điều chỉnh một số hạng mục công trình, cụ thể: đắp mới 2 đoạn đê bao (từ cọc 26÷51 và từ cọc 155÷173) và công trình thoát nước ngang; hoàn trả 2 cống qua đê tại K0 và cọc 21; hoàn trả đường thi công xã Thiệu Tâm; tuyến đường cứu hộ, cứu nạn xã Thiệu Toán; bổ sung gờ chắn bánh, biển báo trên đê để đảm bảo an toàn giao thông; kiên cố hóa đoạn kênh tưới giáp chân đê phía đông từ cọc 136÷147; gia cố mái đê phía sông đoạn từ K0÷cọc 4. Vì vậy, việc điều chỉnh dự án trên là phù hợp và đã được Chủ tịch UBND tỉnh đồng ý chủ trương tại Công văn số 3226/UBND-NN ngày 29/3/2017.

3. Nội dung bổ sung, điều chỉnh:

3.1. Đắp mới 2 đoạn đê bao với tổng chiều dài $L = 1.021,6$ m (gồm đoạn từ K1+085,5÷K1+535,3 dài $L = 449,8$ m, bảo vệ làng Dân Tài, xã Thiệu Chính; đoạn từ K5+642,5÷K6+218,8 dài $L = 576,3$ m, bảo vệ làng Thái Ninh, xã Thiệu Tâm) và làm mới các công trình thoát nước ngang thuộc các đoạn đê đắp mới.

a) Đê bao: Đắp mới nối liền các đoạn đê cũ theo mặt cắt thiết kế hình thang, chiều rộng mặt B = 5 m, hệ số mái đắp $m_s = m_d = 2$.

- Thân đê bằng đất đắp đầm nén đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$; mặt đê gia cố bằng bê tông thường M250 dày 20 cm trên lớp móng bằng cấp phối đá dăm (CPĐĐ) loại 2 lu lèn chặt dày 20 cm, dọc mép biên cứ 1,5 m bố trí 1 gờ chắn bánh bằng bê tông thường M250 đổ liền khối với mặt đê.

- Mái đê 2 phía được trồng cỏ chống xói lở; riêng một số đoạn đê có tuyến đi sát sông, dòng chủ lưu áp sát bờ, mái phía sông được kè gia cố bảo vệ, cụ thể như sau:

+ 2 đoạn từ K1+391,8÷K1+535,3 dài L = 143,5 m và từ K5+983,75÷K6+172,4 dài L = 188,99 m: Mái phía sông được gia cố bằng cầu kiện bê tông đúc sẵn M250 kích thước (40x40x16) cm trong hệ khung dầm bằng bê tông cốt thép (BTCT) M250, bên dưới là lớp đá dăm lót (1x2) cm dày 10 cm và 1 lớp vải địa kỹ thuật; chân kè là lăng thể tựa bằng đá hộc thả rời, chiều rộng đỉnh B = (2÷3) m, mặt ngoài xếp đá hộc chèn chặt dày 30 cm, hệ số mái đá đổ m = 1,5.

+ Đoạn từ K6+172,74÷K6+218,8 dài L = 46 m: Phía đồng đi sát khu dân cư; phía sông làm tường chắn kiểu bán góc có sườn chống bằng BTCT M250, lưng tường là thân đê bằng đất đắp, chân tường bố trí lỗ thoát nước giảm áp, hộ chân phía sông bằng lăng thể đá hộc thả rời, chiều rộng đỉnh lăng thể B = (1,5÷4) m, mặt ngoài xếp đá hộc chèn chặt dày 30 cm, hệ số mái đá đổ m = 1,5.

b) Công trình thuộc 2 đoạn đê bao: Xây dựng mới 6 cống tiêu dưới đê để tiêu nước từ khu dân cư ra ngoài sông.

Vị trí và thông số kỹ thuật các cống theo bảng sau:

TT	Vị trí cống	Khẩu diện (BxH)/Φ (cm)	Cao trình đáy (m)	Ghi chú
1	K1+134,8	(120x140)	+4.37	Làm cống mới thay thế cống cũ
2	K1+315,3	Φ80	+3.06	Làm cống mới
3	K1+461,8	Φ80	+3.55	nt
4	K5+747,2	(120x140)	+3.20	nt
5	K5+980	Φ80	+3.20	nt
6	K6+153,4	Φ80	+3.20	nt

Hình thức, kết cấu cống: Cống hộp bằng BTCT M250, cống tròn bằng ống BTCT đúc sẵn đặt trên đế móng bằng BTCT M250, nền gia cố bằng cọc tre; điều tiết bằng cửa van phẳng lắp phía sông, vận hành bằng quay tay, ổ khóa V2, V5 kiểu trục vít.

3.2. Hoàn trả 2 cống dưới đê tại vị trí K0 và K0+866,9 (cọc 21): Phá bỏ cống cũ đã hư hỏng, nứt gãy, làm lại cống mới tại vị trí cũ.

a) Cống tại K0:

Khẩu diện (BxH) = (1,4x1,15) m, cao trình đáy (+5.00) m; kết cấu cống bằng BTCT M250 và bê tông thường M200, nền gia cố bằng cọc tre; gia cố mái hạ lưu bằng cấu kiện (40x40x16) cm tương tự các đoạn kè bảo vệ phía sông; điều tiết bằng cửa van phẳng lắp phía hạ lưu, vận hành bằng quay tay, ổ khóa V2 kiểu trục vít.

b) Cống tại K0+866,9:

Khẩu diện (BxH) = (1,4x1,6) m, cao trình đáy (+4.15) m; thân cống bằng BTCT M250, gia cố thượng, hạ lưu bằng BTCT M250 và bê tông thường M200, nền gia cố bằng cọc tre; điều tiết bằng cửa van phẳng lắp phía hạ lưu, vận hành bằng quay tay, ổ khóa V3 kiểu trục vít.

3.3. Đường thi công xã Thiệu Tâm, dài L = 1.255 m:

Dùng tuyến đường hiện có làm đường thi công; hoàn trả mặt đường sau thi công với hình thức kết cấu như sau: Mặt đường Bm = (4÷6) m, mặt gia cố Bgc = (3,5÷5) m bằng bê tông thường M250; lề mỗi phía Bl = 0,5 m bằng đất đắp, mái ta luy đắp (m = 1,5) được trồng cỏ chống xói lở.

3.4. Tuyến đường cứu hộ, cứu nạn xã Thiệu Toán, dài L = 552,3 m và các công trình trên tuyến:

a) Đường: Trên cơ sở tuyến đường hiện có, được đắp tôn cao, mở rộng theo mặt cắt thiết kế với Bm = 4 m, hệ số mái đắp m = 1,5; đất đắp đầm nén đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$, mặt đường gia cố rộng Bgc = 3 m bằng bê tông thường M250 dày 20 cm, móng bằng CPDD loại 2 dày 15 cm, lề mỗi phía Bl = 0,5 m bằng đất đắp; mái đường phân đắp mới được trồng cỏ chống xói lở.

b) Công trình trên đường: Gồm 2 cái.

- Cống qua đường tại K0+395,8 (cọc 16): Khẩu diện chữ nhật (BxH) = (0,5x0,55) m, cao trình đáy (+5.17) m. Thân cống bằng bê tông thường M200, đỉnh cống đầy tấm đan bằng BTCT M250; tường cánh, sân trước, sau cống bằng bê tông thường M200 toàn khối đổ tại chỗ.

- Cầu qua kênh tại K0+76,4 (cọc 6): Khẩu diện chữ nhật (BxH) = (3,3x1,7)m, cao trình đáy (+3.57) m. Mố cầu bằng bê tông thường M200, bản mặt bằng BTCT M250; gia cố chuyển tiếp thượng, hạ lưu bằng bê tông thường M200 toàn khối đổ tại chỗ; nền mố gia cố bằng cọc tre.

3.5. Kiên cố hóa kênh tưới giáp chân đê phía đồng đoạn từ K4+741,5÷K5+271,5 (tương ứng từ C136÷C147), dài L = 530 m:

Mặt cắt chữ nhật (BxH) = (0,8x0,75) m; tường và đáy bằng BTCT M250 toàn khối đổ tại chỗ, tấm nắp kênh bằng BTCT M250; dọc chiều dài tuyến cứ 10m bố trí một khe lún chèn 2 lớp giấy dầu tấm nhựa đường.

3.6. Gia cố mái phía sông đoạn từ K0+K0+134 (cọc 4), dài L = 134 m:

Kè bảo vệ mái bằng cầu kiện bê tông (40x40x16) cm. Hình thức gia cố tương tự các đoạn kè thuộc 2 đoạn đề bao đắp mới nêu trên.

3.7. Điều chỉnh lề phân gia cố mặt đề một số đoạn từ lề bằng đất đắp sang bố trí gờ chắn bánh bằng bê tông thường M250 đổ liền khối với mặt đề; cụ thể từng đoạn thể hiện trong bảng sau:

TT	Lý trình	Phía bố trí gờ chắn	Ghi chú
1	K0+K1+135,8	Hai phía	Đoạn tuyến đi qua ruộng
2	K1+505,2+K3+928,9	Hai phía	nt
3	K6+319,8+K6+853,8	Phía sông	Phía đồng là khu dân cư
4	K8+102,8+K8+288,8	Phía sông	nt
5	K9+56,8+K9+284,8	Phía sông	nt
6	K9+284,8+K9+763,1	Hai phía	Đoạn tuyến đi qua ruộng

3.8. Điều chỉnh vị trí bãi khai thác đất đắp từ khu vực đồi Tân Phúc, xã Thọ Lâm về đồi Bạt, xã Thọ Lâm, huyện Thọ Xuân.

4. Diện tích sử dụng đất điều chỉnh: Khoảng 6,66 ha.

5. Tổng mức đầu tư điều chỉnh: 105.296,3 triệu đồng;

Trong đó:

Chi phí bồi thường GPMB	11.000,0 triệu đồng;
Chi phí xây dựng	71.649,9 triệu đồng;
Chi phí thiết bị	216,4 triệu đồng;
Chi phí quản lý dự án	1.276,7 triệu đồng;
Chi phí tư vấn ĐTXD	6.706,0 triệu đồng;
Chi phí khác	5.128,8 triệu đồng;
Chi phí dự phòng	9.318,5 triệu đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

6. Nguồn vốn đầu tư điều chỉnh: Ngân sách Trung ương (Chương trình

mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư) và ngân sách tỉnh.

7. Thời gian thực hiện dự án điều chỉnh: Từ năm 2016÷2019.

8. Các nội dung khác: Thực hiện theo Quyết định số 972/QĐ-UBND ngày 18/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Chủ đầu tư (UBND huyện Thiệu Hóa) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng năm 2014; Luật Đấu thầu năm 2013 và các quy định hiện hành của nhà nước.

- Đồng ý với đề nghị của UBND huyện Thiệu Hóa tại Tờ trình số 290/TTr-UBND ngày 23/6/2017: Ủy quyền cho chủ đầu tư căn cứ quy định của pháp luật, tổ chức thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh và pháp luật về quyết định của mình. Trên cơ sở thiết kế bản vẽ thi công và dự toán bổ sung, điều chỉnh được phê duyệt, cho phép chủ đầu tư thương thảo ký hợp đồng với nhà thầu đang thi công xây dựng công trình để triển khai thực hiện các hạng mục bổ sung, điều chỉnh đảm bảo theo đúng quy định.

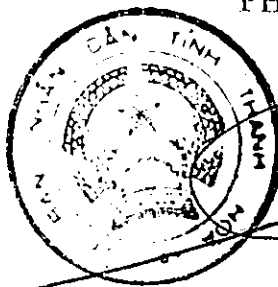
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Thiệu Hóa và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

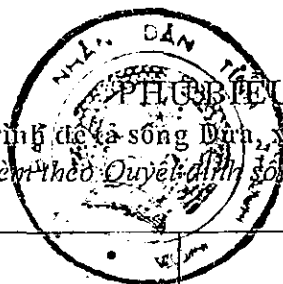
Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Đức Quyền;
- Phó Chánh Văn phòng Lê Thanh Hải;
- Lưu: VT, NN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền



PHỤ LỤC TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

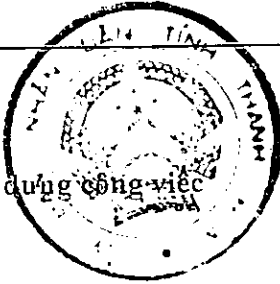
Dự án đầu tư xây dựng công trình để ở xã sông Dừa, xã Thiệu Toán, Thiệu Chính, Thiệu Hòa, Thiệu Tâm và Thiệu Viên, huyện Thiệu Hóa

(Kèm theo Quyết định số 2622 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung công việc	TMĐT tại QĐ số 972/QĐ-UBND ngày 18/3/2016 Chủ tịch UBND tỉnh	Giá trị ĐT theo các QĐ số 2091/QĐ-UBND ngày 19/8/2016, số 3342/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của Chủ tịch UBND huyện Thiệu Hóa	Mức ĐT bổ sung, điều chỉnh theo Công văn số 3226/UBND-NN ngày 29/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	TMĐT điều chỉnh	Chênh lệch TMĐT giảm (-)
I	Chi phí bồi thường GPMB	11.000,0	5.000,0	6.000,0	11.000,0	
II	Chi phí xây dựng	47.501,0	51.253,8	20.396,1	71.649,9	24.148,9
III	Chi phí thiết bị		153,6	62,9	216,4	216,4
IV	Chi phí quản lý dự án	803,0	869,3	407,4	1.276,7	473,7
V	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	5.470,0	5.143,2	1.562,8	6.706,0	1.236,0
	A - Giai đoạn chuẩn bị đầu tư	1.975,600	1.975,600	544,850	2.520,450	544,850
1	Chi phí lập dự án đầu tư	215,200	215,200	130,500	345,700	130,500
2	Chi phí khảo sát giai đoạn lập dự án	1.760,400	1.760,400	398,138	2.158,538	398,138
3	Chi phí tư vấn giám sát khảo sát			16,212	16,212	16,212
	B - Giai đoạn thực hiện đầu tư	3.494,400	3.167,591	1.017,974	4.185,565	691,165
1	Chi phí khảo sát giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	1.100,000	358,926	100,000	458,926	-641,074
2	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công	873,500	1.025,145	358,236	1.383,381	509,881
3	Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu các gói thầu (xây dựng công trình, tư vấn)	102,900	90,147	29,412	119,559	16,659
	- Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp		72,932	29,412	102,344	
	- Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm thiết bị		0,336		0,336	

TT	Nội dung công việc	TMĐT tại QĐ số 972/QĐ-UBND ngày 18/3/2016 Chủ tịch UBND tỉnh	Giá trị DT theo các QĐ số 2091/QĐ-UBND ngày 19/8/2016, số 3342/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của Chủ tịch UBND huyện Thiệu Hóa	Mức ĐT bổ sung, điều chỉnh theo Công văn số 3226/UBND-NN ngày 29/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	TMĐT điều chỉnh	Chênh lệch TMĐT giảm (-)
	- Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn		16.878		16.878	
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	807,000	863,598	390,494	1.254,092	447,092
5	Chi phí giám sát, đánh giá dự án	161,000	188,786	89,636	278,422	117,422
6	Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán			46.123	46.123	46.123
7	Lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án	300.000	448.427		448.427	148.427
8	Giám sát bảo vệ môi trường	150,000	150,000		150,000	
9	Chi phí lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án		28,015		28,015	28,015
10	Chi phí tư vấn giám sát khảo sát		14,547	4,072	18,619	18,619
VI	Chi phí khác	3.841,0	3.737,8	1.391,0	5.128,8	1.287,8
1	Rà phá bom mìn, vật nổ	200,000	200,000		200,000	
2	Lệ phí tài nguyên môi trường	97,500	80,681	47,009	127,690	30,190
3	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư	10,800	10,800	4,139	14,939	4,139
4	Chi phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	74,300	38,954	13,767	52,721	-21,579
5	Chi phí thẩm định dự toán		37,114	13,194	50,308	50,308
6	Chi phí bảo hiểm công trình phần xây dựng	489,300	527,914	212,119	740,033	250,733
7	Chi phí kiểm tra, nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng	20,000	3,500		3,500	-16,500
8	Lệ phí thẩm định hồ sơ mời thầu (0,05%)+ kết quả lựa chọn nhà thầu (0,05%)- NĐ63/2014	51,400	53,870	18,599	72,469	21,069

TT	 Nội dung công việc	TMĐT tại QĐ số 972/QĐ-UBND ngày 18/3/2016 Chủ tịch UBND tỉnh	Giá trị DT theo các QĐ số 2091/QĐ-UBND ngày 19/8/2016, số 3342/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của Chủ tịch UBND huyện Thiệu Hóa	Mức ĐT bổ sung, điều chỉnh theo Công văn số 3226/UBND-NN ngày 29/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	TMĐT điều chỉnh	Chênh lệch TMĐT giảm (-)
9	Chi phí kiểm toán	516,000	567,608	204,872	772,480	256,480
10	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán-TT09/2016	331,700	166,003	60,981	226,984	-104,716
11	Chi phí hạng mục chung	1.900,000	2.051,342	816,288	2.867,630	967,630
12	Một số chi phí khác	150,000				-150,000
VII	Chi phí dự phòng	11.387,0	5.678,5	3.640,0	9.318,5	-2.068,5
1	Dự phòng khối lượng phát sinh	6.872,300	3.020,887	2.982,017	6.002,904	-869,396
2	Dự phòng do yếu tố trượt giá	4.514,700	2.657,646	657,937	3.315,583	-1.199,117
	Tổng cộng	80.002,0	71.836,2	33.460,1	105.296,3	25.294,3